

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CX  
TỈNH HT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/12/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN, TỈNH HÀ TĨNH  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị M. T

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Huy V

2. Ông Chu Thành V

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị T. H – Tòa án nhân dân huyện CX, tỉnh HT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị T -Kiểm sát viên VKSND huyện CX.

Ngày 20 tháng 11 và ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện CX, tỉnh HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 20/11/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1991

Nơi đăng ký HKTT: thôn HV, xã CD, huyện CX, HT,

Nơi ở hiện nay: xóm ĐN, xã ĐT, huyện YT, tỉnh N.A, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1978

Trú quán: thôn HV, xã CD, huyện CX, HT, có mặt

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1976; trú tại: thôn Hoàng Vân, xã Cẩm Dương, huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh, có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 17/7/2020 và tại phiên tòa chị Trần Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P kết hôn vào ngày 25/11/2010 tại UBND xã CD, huyện CX, tỉnh HT, trên cơ sở tự nguyện và tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với bố mẹ chồng tại thôn Hoàng Vân, xã CD, huyện CX. Tình cảm vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 5 năm và có với nhau 01 con chung thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân được 5 năm, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trần Thị P làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn P.

Còn bị đơn anh Nguyễn Văn P quá trình giải quyết vụ án Tòa đã triệu tập làm việc nhiều lần anh Phương chấp hành giấy triệu tập là có mặt tại Tòa án nhưng anh không hợp tác làm việc, không ký vào biên bản làm việc, tại phiên tòa anh Trình bày: Anh cũng đồng ý về thời gian, địa điểm kết hôn như chị P trình bày. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị Phương và mong chị Phương suy nghĩ để vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về con chung: Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn P cùng trình bày vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T.A, sinh ngày 24/9/2013.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/10/2020 mặc dù anh P không ký vào biên bản làm việc nhưng chị P và anh P đều thống nhất thỏa thuận giao con Nguyễn Văn T.A cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Trần Thị P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh P mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh P không đồng ý việc chị P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ mà yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con một lần và cấp dưỡng ngay tại Tòa thì anh P mới đồng ý. Tuy nhiên chị P không có khả năng cấp dưỡng một lần mà chị P chỉ cấp dưỡng hàng tháng mỗi tháng 3.000.000đ.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn P đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tại biên bản hòa giải ngày 14/10/2020 hai bên chị P và anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Tuy nhiên tại phiên Tòa ngày 20/11/2020 anh Nguyễn Văn P có đưa ra các khoản nợ là nợ Ngân hàng chính sách huyện CX số tiền 50 triệu đồng và nợ anh Nguyễn Văn C 7 chỉ vàng. Tuy nhiên anh P không yêu cầu chị P phải trả khoản nợ Ngân hàng chính sách 50.000.000đ mà anh yêu cầu chị P trả cho anh Nguyễn Văn C 7 chỉ vàng. Chị P không đồng ý về các khoản nợ chung của vợ chồng vì chị cho rằng quá trình đi làm ăn chị đã gửi tiền về cho anh P trả nợ. Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh có cho vợ chồng anh, chị P vay 7 chỉ vàng để chị Phương đi làm ăn ở nước ngoài, khi vay không có giấy tờ gì. Nay anh yêu cầu vợ chồng anh chị P phải trả cho anh số vàng nói trên, nhưng anh Cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh khoản vay 7 chỉ vàng trên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CX phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử: Chấp nhận cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn P; về con cái: Giao cháu Nguyễn Văn T.A, sinh ngày 24/9/2013 cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, chị P có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng anh P mỗi tháng

3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T.A đủ 18 tuổi. Chị Trần Thị P được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: Không có, nên đề nghị HĐXX không xem xét

Về nợ: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án và tại phiên tòa ngày 20/11/2020 anh Nguyễn Văn P có trình bày về khoản nợ Ngân hàng chính sách huyện CX số tiền 50 triệu đồng và nợ anh Nguyễn Văn C 7 chỉ vàng, Hội đồng xét xử đã tạm ngưng phiên tòa để các đương sự cung cấp các tài liệu chứng minh khoản nợ trên nhưng tại phiên tòa hôm nay không ai cung cấp được chứng cứ về các khoản nợ, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về đường lối giải quyết vụ án cũng như việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng.

[1]. Về thẩm quyền: Chị Trần Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung sau khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn P, hiện tại chị P và anh P đều có hộ khẩu đăng ký thường trú tại thôn Hoàng Vân, xã CD, huyện CX, tỉnh HT thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CX, tỉnh HT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của chị Trần Thị P cùng với các tài liệu do chị Phương cung cấp thì chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn Pg kết hôn theo quy định của pháp luật đăng ký kết hôn tại UBND xã CD, huyện CX. Tuy nhiên sau một thời gian thì hai người phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, nay hai người đã sống ly thân, chị Phương đã về bố mẹ để sinh sống. Do đó mục đích hôn nhân không đạt được, chị Phương có nguyện vọng xin được ly hôn để giải phóng cho hai người. Tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh Phương không đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng anh Phương không đưa ra được biện pháp gì để níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Còn chị P thì chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị P vẫn mong muốn ly hôn.

Tòa án triệu tập anh P đến làm việc anh P chấp hành giấy triệu tập nhưng không hợp tác để làm việc, không chịu làm bản tự khai, biên bản lấy lời khai và không ký vào các biên bản hòa giải, biên bản công khai chứng cứ của Tòa án. Như vậy mục đích hôn nhân là xây dựng tổ ấm gia đình, sinh con và nuôi dạy con cái nên người, tạo lập kinh tế để duy trì và phát triển đời sống. Đối với anh P tuy không muốn ly hôn nhưng anh không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế tình cảm vợ chồng của hai người không thể hàn gắn được. Cần áp dụng khoản 1 điều 51, điều 54, điều 56, điều 57 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

[3]. Về con chung: Tại hồ sơ và trước phiên tòa chị Trần Thị P và anh Nguyễn Văn P đều thống nhất vợ chồng có 01 con chung. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị P đồng ý giao cháu Nguyễn Văn T.A, sinh ngày 24/9/2013 cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng của chị P và của cháu T.A là sống cùng bố là anh Nguyễn Văn P, giao con chung Nguyễn Văn T.A cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và chị Trần Thị P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ: Quá trình giải quyết vụ án anh P và chị P xác nhận về nợ vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 20/11/2020 anh P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đưa ra các khoản nợ chung Tòa án tạm ngừng phiên tòa để tạo điều kiện cho các đương cung cấp các chứng cứ để chứng minh về các khoản nợ, nhưng không ai cung cấp được và tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều khẳng định không có tài liệu chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án về các khoản nợ nói trên. Vì vậy HĐXX không xem xét về các khoản nợ mà anh P, chị P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đưa ra tại phiên Tòa. Nếu sau này các đương sự cung cấp được chứng cứ thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[6]. Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147, điều 177, điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điểm a khoản 1 điều 24; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Về tình cảm: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

[2]. Về con cái: Giao cháu Nguyễn Văn T.A, sinh ngày 24/9/2013 cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T.A (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác khi một trong hai bên có yêu cầu khác. Chị Trần Thị P đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn T.A, sinh ngày 24/9/2013 hàng tháng mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T.A đủ 18 tuổi và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

[3]. Về án phí: Buộc chị Trần Thị P phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp tại biên lai thu tiền số **0005579** ngày 15/7/2020 tại Chi cục thi hành án huyện CX. Chị Trần Thị P còn phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Quyền kháng cáo bản án. Nguyên đơn chị Trần Thị P, bị đơn anh Nguyễn Văn P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HT;
- VKS huyện CX;
- THA CX;
- Công thông tin điện tử TA;
- UBND xã CD
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị M. T**

